

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **120/2022/HNGĐ - ST**
Ngày: **25- 11 - 2022**
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Đào

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Đức Hòa

2. Ông Phạm Thành Đô

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Chang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Thanh Tâm – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 15 và 25 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 184/2022/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 255/2022/QĐXX - ST ngày 03 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Bùi Thị Bích L, sinh năm 1971 (Vắng mặt, có đơn xin giải quyết vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Bình Phước.

Bị đơn: Ông Lê Văn K, sinh năm 1969 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Bùi Thị Bích L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị Bích L và ông Lê Văn K tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1994 nhưng tới năm 2002 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Phước Bình, huyện Phước Long, tỉnh Bình Phước. Vợ chồng chung sống tới năm 2012 thì mới phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung dẫn đến thường xuyên cãi vã lẫn nhau. Mặc dù vẫn chung sống cùng nhà nhưng không ai còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa vì con cái nên mới cố gắng sống chung. Nay các con đã thành niên, bản thân bà L

thấy mâu thuẫn vợ chồng quá trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông K để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Bà L và ông K có 02 người con chung là Lê Thị Kiều D, sinh năm 1995 và Lê Minh Dương, sinh năm 2002. Các con chung đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, bị đơn ông Lê Văn K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông K thống nhất với lời trình bày của bà L về thời gian chung sống và đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và mâu thuẫn như lời trình bày của bà L, hiện nay, vợ chồng không còn tình cảm nên bà L yêu cầu ly hôn thì ông K đồng ý.

Về con chung: Bà L và ông K có 02 người con chung là Lê Thị Kiều D, sinh năm 1995 và Lê Minh Dương, sinh năm 2002. Các con chung đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn bà L vắng mặt và có đơn xin vắng mặt.

Bị đơn ông K xác định quá trình giải quyết vụ án vì bức xúc việc bà L yêu cầu ly hôn nên ông K mới đồng ý. Nay suy nghĩ lại ông K nhận thấy trong cuộc sống vợ chồng, ông và bà L không có mâu thuẫn gì trầm trọng, vợ chồng vẫn chung sống cùng nhau. Mặt khác ông K cho rằng bà L có quan hệ bất chính với người đàn ông khác nên giữa vợ chồng còn vướng mắc chuyện tình cảm và cũng chưa thỏa thuận được với nhau về tài sản chung nên không đồng ý ly hôn mà mong muốn vợ chồng đoàn tụ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng có quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng theo đúng quy định pháp luật.

Về nội dung Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Bùi Thị Bích L; về con chung: Các con chung của bà L với ông K đã thành niên và các đương sự không yêu cầu nên không xem xét; về tài sản chung, nợ chung tự thỏa thuận không yêu cầu nên đề nghị không xem xét.

Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn bà L phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện của bà Bùi Thị Bích L yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Lê Văn K. Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại thôn Sơn Hiệp, xã Thọ Sơn, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước. Hội đồng xét xử xét thấy tranh chấp giữa Nguyên đơn và Bị đơn thuộc lĩnh vực hôn nhân gia đình. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố

tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng.

Về sự vắng mặt của nguyên đơn bà Bùi Thị Bích L: Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án bà L đã có lời trình bày và có đơn xin giải quyết vắng mặt nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị Bích L và ông Lê Văn K tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1994, tuy nhiên đến năm 2002 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Phước Bình, huyện Phước Long, tỉnh Bình Phước. Điều này phù hợp với Giấy chứng nhận kết hôn số 242 ngày 31/12/2002 của Ủy ban nhân dân thị trấn Phước Bình, huyện Phước Long đã được bà L giao nộp. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa ông K và bà L là hợp pháp.

[3] Về mâu thuẫn gia đình: Nguyên đơn bà L trình bày từ năm 2012 cho đến nay thì giữa bà L và ông K đã phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và tình cảm nên thường xuyên cãi vã, bà L vì các con nên vẫn chung sống cùng nhà nhưng không ai còn quan tâm tới nhau nữa, mạnh ai người đó sống. Tại bản tự khai và biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 17/10/2022, ông K thống nhất với nội dung mâu thuẫn mà bà L trình bày đồng thời xác định hiện tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn với bà L. Tuy nhiên, tại phiên tòa ông K cho rằng trước đây ông K bức xúc khi bà L muốn ly hôn nên mới đồng ý cho xong nhưng nay suy nghĩ lại thấy vẫn còn tình cảm và vợ chồng không có mâu thuẫn gì trầm trọng, chỉ nghi ngờ bà L có quan hệ bất chính với người đàn ông khác nên nếu ly hôn thì ông K vẫn còn vướng mắc chuyện tình cảm. Ngoài ra, lý do ông K không đồng ý ly hôn mà mong muốn đoàn tụ với bà L là giữa bà L và ông K vẫn chưa thỏa thuận được với nhau vấn đề tài sản.

Để làm rõ vấn đề mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa ông K và bà L, Hội đồng xét xử đã tạm dừng phiên tòa ngày 15/11/2022 để tiến hành xác minh tại địa phương. Tại Biên bản xác minh ngày 22/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng tại thôn Sơn Hiệp, xã Thọ Sơn, huyện Bù Đăng nơi ông K và bà L cư trú thì địa phương xác định trong quá trình chung sống với nhau giữa ông K và bà L có mâu thuẫn và có xảy ra xô xát với nhau nhiều lần, những lần xô xát bà L có trình báo cho trưởng thôn Sơn Hiệp và Công an xã để giải quyết. Bà L cũng thông báo về việc mong muốn ly hôn với ông K nhiều lần nhưng đã được trao đổi và hòa giải bằng miệng để hai bên đoàn tụ về chung sống với nhau. Như vậy, quá trình chung sống với nhau giữa ông K và bà L có mâu thuẫn, xô xát nhiều lần, bà L đã nhiều lần mong muốn ly hôn và đã được địa phương giải quyết nên việc ông K cho rằng giữa ông và bà L không có mâu thuẫn là không có cơ sở. Ông K cho rằng vẫn còn tình cảm với bà L và mong muốn đoàn tụ nhưng lại đưa ra lý do không đồng ý ly hôn là vì chưa thỏa thuận được với nhau về vấn đề tài sản chung là có mâu thuẫn. Mặt khác, quá trình giải quyết vụ án, bà L vẫn cương quyết ly hôn, không đồng ý đoàn tụ với ông K.

Như vậy, mâu thuẫn giữa ông K với bà L đã làm cho hôn nhân trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn của bà L.

[4] Về con chung: Bà L và ông K có 02 người con chung là Lê Thị Kiều D, sinh năm 1995 và Lê Minh Dương, sinh năm 2002. Các con chung đã thành niên, ông K và bà L

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án, bà L và ông K đều xác định sẽ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại phiên tòa, ông K cho rằng hiện nay giữa ông K và bà L chưa thỏa thuận được về tài sản chung nên yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên theo quy định tại Điều 200 Bộ luật tố tụng dân sự thì bị đơn có quyền đưa ra yêu cầu phản tố trước thời điểm mở phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Do đó, nếu ông K có yêu cầu về phân tài sản chung thì có quyền khởi kiện trong một vụ án khác.

[6] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự buộc nguyên đơn bà L phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[7] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/ 2016/ UBTWQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị Bích L về việc xin ly hôn. Bà L được ly hôn với ông Lê Văn K.

2. Về con chung: Các con chung đều đã thành niên nên không xem xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu toà án giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí: Nguyên đơn bà Bùi Thị Bích L phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000632 ngày 05/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

5. Quyền kháng cáo: Bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Đăng;
- Chi cục THADS huyện Bù Đăng;
- UBND xã Thọ Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Đào